



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Cao đẳng - Đợt tháng 10/2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-HĐHV, ngày 08/08/2022 của Chủ tịch Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 về việc quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp 15 (Mười lăm) bằng Cử nhân thực hành Dịch vụ thương mại hàng không; 11 (Mười một) bằng Cử nhân thực hành Kiểm tra an ninh hàng không; 06 (Sáu) bằng Kỹ sư thực hành Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay; 06 (Sáu) bằng Kỹ sư thực hành Kiểm soát không lưu cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Cao đẳng - Đợt tháng 10/2023 (Theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. ✓

Nơi nhận: ✓

- Như điều 2;

- Lưu VT,ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TS. Nguyễn Thanh Dũng





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - ĐỢT THÁNG 10//2023**

(Đính kèm quyết định số: 1125 /QĐ-HVHKVN ngày 31 / 10 /2023)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1811150003	Lê Thị Tuyết	Trinh	15/05/2000	18CĐTM01	2.41	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
2	1811150082	Đinh Lạc Vĩnh	Thuận	03/05/2000	18CĐTM02	2.38	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
3	1911150047	Cao Thuý	Nhân	27/10/2001	19CĐTM01	2.46	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
4	1911150052	Hoàng Ngọc	Anh	21/09/2001	19CĐTM02	2.14	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
5	1911150051	Nguyễn Như Quỳnh	Anh	31/10/2001	19CĐTM02	2.13	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
6	1911150066	Cao Phan Kỳ	Duyên	08/07/2001	19CĐTM02	2.48	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
7	1911150050	Lê Thị	Hà	19/09/2001	19CĐTM02	2.98	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
8	1911150067	Lữ Cao Hà	Phương	17/06/2001	19CĐTM02	2.43	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
9	1911150093	Nguyễn Ngọc	Trang	21/06/2001	19CĐTM02	2.89	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
10	2011150083	Nguyễn Thị	Hương	08/09/2000	20CĐTM01	3.37	Giỏi	Dịch vụ thương mại hàng không
11	2011150060	Phan Thị Kim	Hương	03/12/2002	20CĐTM02	2.87	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
12	2011150087	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	12/01/2001	20CĐTM02	2.9	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
13	2011150100	Lê Thị Mai	Thảo	23/03/2000	20CĐTM02	3.25	Giỏi	Dịch vụ thương mại hàng không
14	2011150064	Huỳnh Ngọc Phương	Vy	18/10/2001	20CĐTM02	2.81	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
15	2111150055	Phạm Ngọc Lan	Anh	21/01/2003	20CĐTM02	3.01	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
16	1811210032	Lưu Thị Quỳnh	Thu	20/12/2000	18CĐKL01	2.58	Khá	Kiểm soát không lưu
17	1911210029	Vũ Hồng	Anh	13/09/2001	19CĐKL01	2.78	Khá	Kiểm soát không lưu
18	1911210045	Dương Thị Thu	Yên	07/05/2001	19CĐKL01	2.92	Khá	Kiểm soát không lưu
19	2011210034	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	22/11/2002	20CĐKL01	3.08	Khá	Kiểm soát không lưu
20	2011210015	Trần Thị Ngọc	Lê	05/03/2002	20CĐKL01	2.9	Khá	Kiểm soát không lưu
21	2011210023	Nguyễn Hoàng	Nam	11/10/2002	20CĐKL01	2.71	Khá	Kiểm soát không lưu
22	1911010037	Ngô Minh	Khôi	24/11/2000	19CĐAN01	2.2	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
23	1911010005	Cao Thị Thúy	Quyên	06/07/2001	19CĐAN01	2.43	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
24	1911010011	Nguyễn Hải	Thiên	12/01/2001	19CĐAN01	2.42	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
25	1911010047	Hồ Thị Anh	Thư	03/08/2001	19CĐAN01	2.33	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
26	1911010044	Hoàng Thị Minh	Thư	25/05/2001	19CDAN01	2.14	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
27	2011010018	Đặng Thúy	Anh	15/07/2002	20CDAN01	2.63	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
28	2011010026	Võ Thị Ngọc	Hân	14/06/2001	20CDAN01	2.84	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
29	2011010006	Nguyễn Nhật	Minh	24/04/2002	20CDAN01	2.67	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
30	2011010009	Nguyễn Kim	Ngân	30/03/2002	20CDAN01	2.61	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
31	2011010064	Bùi Thị Tuyết	Sương	15/04/2002	20CDAN01	2.69	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
32	2011010010	Đinh Thị Thuỷ	Tiên	13/12/2002	20CDAN01	2.74	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
33	1910000009	Huỳnh Chí	Cường	13/01/2001	19CDCK01	2.47	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
34	1910000043	Huỳnh Hoàng	Lan	08/09/2001	19CDCK01	2.31	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
35	2010000037	Phan Hiệp	Trung	27/05/2002	20CDCK01	2.46	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
36	2110000024	Đỗ Minh	Khôi	16/08/2003	21CDCK01	2.35	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
37	2112090008	Hồ Vĩnh	Thêm	28/08/2003	21CDCK01	2.98	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
38	2112090005	Vũ Ngọc Anh	Thư	29/01/2003	21CDCK01	2.26	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay

Tổng cộng danh sách này có 38 sinh viên được công nhận tốt nghiệp.